

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 65

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Tỉnh Quy Nhơn, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lâm Hoàng Hải	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Hội sở Công ty và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc ("báo cáo tài chính tổng hợp") giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60752790/18591868/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65 bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 12.935.754.517 ngàn VND, trong đó 6.356.056.204 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 21.1, 21.2, và 21.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 2.034.231.600 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên. Nếu việc tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên không được thực hiện, những vấn đề đã đề cập cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Bên cạnh đó, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 29 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn với trị giá lần lượt là 1.565.140.387 ngàn VND và 8.303.408.520 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi về ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.038.038.781	7.453.359.435
110	I. Tiền		256.686.108	238.067.919
111	1. Tiền	4	256.686.108	238.067.919
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.633.485.024	6.926.123.473
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	339.210.701	525.822.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	73.175.983	162.297.212
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.346.153.647	4.652.017.152
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.878.352.814	1.586.464.025
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(3.408.121)	(477.518)
140	III. Hàng tồn kho		144.324.401	206.104.818
141	1. Hàng tồn kho	9	144.324.401	206.104.818
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.543.248	83.063.225
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.678.106	383.900
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		865.142	483.337
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.904.885.384	20.235.507.840
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.450.557.332	8.373.822.112
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	9.034.291.552	8.066.041.332
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	416.265.780	307.780.780
220	II. Tài sản cố định		286.533.272	294.796.704
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	226.330.385	233.660.774
222	Nguyên giá		319.503.815	321.148.576
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.173.430)	(87.487.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	60.202.887	61.135.930
228	Nguyên giá		67.522.174	67.522.174
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.319.287)	(6.386.244)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	13.501.062	78.228.682
231	1. Nguyên giá		15.001.180	79.478.780
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.500.118)	(1.250.098)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.974.731	469.767
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.974.731	469.767
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.139.429.702	11.474.502.144
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	11.213.889.436	11.437.505.856
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	7.360.040	31.996.288
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.1	(86.819.774)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.889.285	13.688.431
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.062.000	13.688.431
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	827.285	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.942.924.165	27.688.867.275

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.658.061.332	15.409.713.628
310	I. Nợ ngắn hạn		9.072.270.381	6.902.977.590
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	135.019.371	146.484.218
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.169.534.662	1.354.460.319
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	70.588.369	115.518.401
314	4. Phải trả người lao động		10.023.209	9.279.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	629.842.926	303.730.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	699.451.077	280.092.733
320	7. Vay ngắn hạn	21	6.356.056.204	4.689.130.668
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.754.563	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		6.585.790.951	8.506.736.038
338	1. Vay dài hạn	21	6.579.698.313	8.494.994.375
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	-	5.635.824
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.092.638	6.105.839
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.284.862.833	12.279.153.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	12.284.862.833	12.279.153.647
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		566.895.916	561.186.730
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		561.186.730	27.558.264
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.709.186	533.628.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.942.924.165	27.688.867.275

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc


Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	362.394.109	1.284.428.290
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	362.394.109	1.284.392.762
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(284.231.693)	(812.113.408)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.162.416	472.279.354
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	743.224.137	558.161.708
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(770.975.639) (633.412.541)	(559.857.650) (557.827.675)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(6.722.343)	(24.279.981)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(45.021.257)	(54.225.279)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.332.686)	392.078.152
31	11. Thu nhập khác	27	18.921.657	157.555.099
32	12. Chi phí khác	27	(1.214.090)	(1.590.057)
40	13. Lợi nhuận khác	27	17.707.567	155.965.042
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.374.881	548.043.194
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(17.128.804)	(117.576.196)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28	6.463.109	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.709.186	430.466.998


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng


Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.374.881	548.043.194
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	9.717.796	9.835.471
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		89.750.377	(34.206)
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.241.698	(10.914.792)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(727.512.751)	(834.742.840)
06	Chi phí lãi vay	25	633.412.541	557.827.675
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.984.542	270.014.502
09	Tăng các khoản phải thu		(108.840.507)	(311.124.135)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		61.780.417	(20.042.283)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(38.232.070)	1.351.654.020
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(667.775)	5.197.644
14	Tiền lãi vay đã trả		(298.694.543)	(585.991.601)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(14.361.981)	(57.874.212)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.527.618)	(6.361.096)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(376.559.535)	645.472.839
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(27.573.724)	(10.961.629)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		216.538.167	394.178.238
23	Tiền chi cho vay		(1.299.071.774)	(3.736.550.404)
24	Tiền thu hồi cho vay		582.016.188	3.028.445.680
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(10.072.542)	(2.560.754.793)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		223.606.773	702.301.393
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		735.136.711	307.178.371
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		420.579.799	(1.876.163.144)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		852.232.475	2.630.402.488
34	Tiền trả nợ gốc vay		(877.634.550)	(1.257.664.149)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(25.402.075)	1.372.738.339

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.618.189	142.048.034
60	Tiền đầu kỳ	4	238.067.919	601.272.163
70	Tiền cuối kỳ	4	256.686.108	743.320.197



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Điều chỉnh lần thứ hai mươi tám (28) vào ngày 17 tháng 6 năm 2016 phê duyệt việc bổ sung ngành kinh doanh trồng cây ăn quả, dịch vụ trồng trọt, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; các hoạt động về thể thao và giải trí và sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai và Tỉnh Quy Nhơn, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 212 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 230).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, ba mươi một (31) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực bất động sản			
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh (“HAN”)	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	68,90
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (“HA Myanmar”)	Tp. Yangon, Myanmar	Đang hoạt động	68,90
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok (i)	Tp. Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	32,38
Lĩnh vực thủy điện			
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai (“DHA”)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	95,58
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu (“NK2”)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	95,58
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3 (“NK3”)	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	95,58
Lĩnh vực nông nghiệp			
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (ii)	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,95
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,95
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,94
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	74,94
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	73,28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp (tiếp theo)			
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	73,28
(13) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	74,60
(14) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	74,54
(15) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	74,95
(16) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	73,28
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(18) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(19) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(20) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(21) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,20
(22) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	53,55
(23) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	53,55
(24) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	74,73
(25) Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	74,73
(26) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	74,95
(27) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	74,95
(28) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(29) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95
(30) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	74,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực khai khoáng			
(31) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Ngưng hoạt động	95,58
(32) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Ngưng hoạt động	95,58
(33) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Ngưng hoạt động	95,58
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ			
(34) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,48
(35) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(36) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	80,00
(37) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(38) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên Chăn, Lào	Trước hoạt động	100,00
(39) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	94,50
Các chi nhánh			
Dịch vụ hàng hóa – xây dựng			
(1) Chi nhánh nguyên vật liệu – Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh cơ khí – Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Quản lý bất động sản và khách sạn			
(3) Quản lý bất động sản Quy Nhơn	Tp Quy Nhơn, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(4) Khách sạn Pleiku	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
Công ty liên kết			
Dịch vụ tư vấn			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
(i) Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.			
(ii) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là HNG và chính thức được giao dịch từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Giả định về hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã trình bày các khoản vay và trái phiếu phải trả là 12.935.754.517 ngàn VND, trong đó 6.356.056.204 ngàn VND sẽ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2016; đồng thời Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 21.1, 21.2, và 21.3 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đang trình bày khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn trị giá 2.034.231.600 ngàn VND vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng quá trình tái cơ cấu nợ sẽ tiến triển thuận lợi và vì vậy vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán bất động sản với giá trị còn lại của nó đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên hay giảm đi trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng (*)	255.224.429	236.037.900
Tiền mặt tại quỹ	1.461.679	2.030.019
TỔNG CỘNG	256.686.108	238.067.919

(*) Công ty đã thế chấp 47.989.463 ngàn VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của công ty con (*Thuyết minh số 21*) (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 29.850.088 ngàn VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	181.488.496	151.885.191
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện</i>	69.490.112	85.348.434
<i>Khách hàng khác</i>	111.998.384	66.536.757
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.885.117	126.972.407
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	27.828.645	177.074.162
Phải thu về thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư	335.072	52.395.639
Phải thu tiền bán căn hộ	13.673.371	17.495.203
	339.210.701	525.822.602
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.408.121)	(477.518)
TỔNG CỘNG	335.802.580	525.345.084
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	217.754.288	340.844.997
<i>Phải thu các bên khác</i>	121.456.413	184.977.605

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	477.518	34.206
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.930.603	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(34.206)
Số cuối kỳ	3.408.121	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	64.062.361	158.297.212
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Tân Hoàn Mai</i>	32.982.656	31.966.175
<i>Các khoản trả trước khác</i>	31.079.705	126.331.037
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ	9.113.622	4.000.000
TỔNG CỘNG	73.175.983	162.297.212
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên khác</i>	69.175.983	59.233.874
<i>Trả trước các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	4.000.000	103.063.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.325.226.323	4.652.017.152
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú")	(i) 2.760.085.936	2.860.085.936
Các bên liên quan khác	(ii) 1.565.140.387	1.791.931.216
Cho vay ngắn hạn bên thứ ba	20.927.324	-
	4.346.153.647	4.652.017.152
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các công ty	(iii) 562.921.025	710.330.064
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.303.408.520	7.186.402.423
Trong đó:		
Cho vay Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch Hội đồng Quản trị An Phú	(iv) 697.320.000 (i) 641.100.000	697.320.000 641.100.000
Các bên liên quan khác	(ii) 6.964.988.520	5.847.982.423
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào – Dự án sân bay quốc tế Attapeu	(v) 166.633.510	167.980.345
Cho vay dài hạn nhân viên	1.328.497	1.328.500
	9.034.291.552	8.066.041.332
TỔNG CỘNG	13.380.445.199	12.718.058.484

- (i) Khoản cho vay An phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Giá trị (Ngàn VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng 1	2.760.085.936	Ngày 1 tháng 10 năm 2016	12,5	Toàn bộ tài sản, cổ phần, vốn góp, cổ tức, lợi tức và các tài sản khác của Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch HĐQT; cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú và quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú
Hợp đồng 2	641.100.000	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	12,5	Không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Phát sinh trong kỳ của khoản phải thu cho vay dài hạn từ An Phú và chi phí lãi tương ứng được chi tiết như sau:

Gốc vay				Ngàn VND
	Hợp đồng 1	Hợp đồng 2	Cho mượn	Tổng cộng
Số đầu kỳ	2.760.085.936	641.100.000	100.000.000	3.501.185.936
Tăng trong kỳ	-	-	20.000	20.000
Trả trong kỳ	-	-	(100.020.000)	(100.020.000)
Số cuối kỳ	2.760.085.936	641.100.000	-	3.401.185.936

Lãi vay			Ngàn VND
	Hợp đồng 1	Hợp đồng 2	Tổng cộng
Số đầu kỳ	498.786.203	52.245.536	551.031.739
Tăng trong kỳ	174.422.097	40.513.958	214.936.055
Trả trong kỳ	(539.980.000)	-	(539.980.000)
Số cuối kỳ (*)	133.228.300	92.759.494	225.987.794

(*) Số dư này được bao gồm trong khoản phải thu lãi cho vay được trình bày trong Thuyết minh số 8.

- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6% đến 15%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho vay dài hạn tín chấp cho các công ty khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6,5% đến 12,86%/năm.
- (iv) Đây là khoản Công ty cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Công ty Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng vay số 01/10/15HĐV_HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015, hoàn trả trong vòng 36 tháng và có lãi suất trong kỳ là 12,5%/ năm.
- (v) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai, chi tiết như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Nợ gốc đầu năm (USD)	7.482.421	21.900.188
Tăng trong năm (USD)	-	2.000.000
Giảm trong năm (USD)	-	(16.417.767)
Nợ gốc cuối kỳ (USD)	7.482.421	7.482.421
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)	166.633.510	167.980.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu lãi cho vay	1.155.367.299	1.148.191.061
Tạm ứng cho nhân viên	5.341.077	4.725.529
Phải thu khác	717.644.438	433.547.435
	1.878.352.814	1.586.464.025
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (i)	415.751.100	307.266.100
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
	416.265.780	307.780.780
	2.294.618.594	1.894.244.805
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	2.226.270.313	1.793.298.319
Phải thu các bên khác	68.348.281	100.946.486

- (i) Đây là khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% với tổng trị giá 1.676.016.235 ngàn VND tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giá trị các căn hộ đang xây để bán (i)	65.278.237	107.646.457
Hàng hóa	39.675.543	52.386.134
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.704.418	34.079.331
Trong đó:		
Hợp đồng xây dựng	24.492.160	10.529.097
Hoạt động sản xuất	6.159.713	23.345.211
Cung cấp dịch vụ	52.545	205.023
Thành phẩm	7.166.681	7.771.786
Vật liệu xây dựng	1.254.080	3.885.058
Nguyên vật liệu	177.748	276.675
Công cụ, dụng cụ	67.694	59.377
TỔNG CỘNG	144.324.401	206.104.818

- (i) Trong giá trị các căn hộ đang xây để bán, dự án Bàu Thạc Giá trị giá 46.418.518 ngàn VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh số 21).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VND
Nguyên giá							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	238.796.794	42.966.964	29.279.099	3.308.219	6.689.440	108.060	321.148.576
Mua trong kỳ	-	-	1.204.344	-	-	-	1.204.344
Thanh lý trong kỳ	-	(2.559.250)	-	(289.855)	-	-	(2.849.105)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	238.796.794	40.407.714	30.483.443	3.018.364	6.689.440	108.060	319.503.815
Giá trị hao mòn lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(44.452.220)	(19.087.039)	(17.099.428)	(2.055.628)	(4.770.974)	(22.513)	(87.487.802)
Khấu hao trong kỳ	(3.987.934)	(2.255.839)	(1.584.375)	(217.963)	(479.617)	(9.005)	(8.534.733)
Thanh lý trong kỳ	-	2.559.250	-	289.855	-	-	2.849.105
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	(48.440.154)	(18.783.628)	(18.683.803)	(1.983.736)	(5.250.591)	(31.518)	(93.173.430)
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	194.344.574	23.879.925	12.179.671	1.252.591	1.918.466	85.547	233.660.774
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	190.356.640	21.624.086	11.799.640	1.034.628	1.438.849	76.542	226.330.385
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo</i>							
<i>cho các khoản vay của công ty</i>	190.356.640	21.624.086	11.799.640	1.034.628	1.438.849	76.542	226.330.385
<i>con</i>	-	-	362.181	375.586	-	-	737.767
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016	52.350.201	15.171.973	67.522.174
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(6.386.244)	(6.386.244)
Khấu hao trong kỳ	-	(933.043)	(933.043)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(7.319.287)	(7.319.287)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	52.350.201	8.785.729	61.135.930
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	52.350.201	7.852.686	60.202.887
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay của công ty con</i>	52.350.201	-	52.350.201

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	15.001.180	79.478.780
Thanh lý trong kỳ	(64.477.600)	-	(64.477.600)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	15.001.180	15.001.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(1.250.098)	(1.250.098)
Khấu hao trong kỳ	-	(250.020)	(250.020)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	(1.500.118)	(1.500.118)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	13.751.082	78.228.682
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	13.501.062	13.501.062
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 21)</i>	-	13.501.062	13.501.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.062.310	1.445.584
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	250.019	250.020

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê và giá trị thị trường của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	<u>1.974.731</u>	<u>469.767</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc đầu tư</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc đầu tư</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	11.213.889.436	(86.819.774)	11.437.505.856	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	5.000.000	-	5.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.3</i>)	7.360.040	-	31.996.288	-
TỔNG CỘNG	<u>11.226.249.476</u>	<u>(86.819.774)</u>	<u>11.474.502.144</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Dự phòng (Ngàn VND)
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG")	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	70,45	5.224.484.938	79,52	5.443.421.358	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("HAN")	Bất động sản	68,90	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai ("Thủy điện HAGL")	Năng lượng	95,58	2.532.179.575	95,58	2.532.179.575	-
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Bệnh viện	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai ("Thể thao HAGL")	CLB Bóng đá	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai ("Cầu đường HAGL")	Xây dựng	-	-	55,12	4.680.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai ("BDS&KS HAGL")	Quản lý bất động sản và khách sạn	94,50	977.486	94,50	977.486	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane ("HAGL Vientiane")	Quản lý bất động sản và khách sạn	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990	-
TỔNG CỘNG			11.213.889.436		11.437.505.856	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông		1.160.040		1.160.040
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai (i)	-	-	19,26	24.636.248
TỔNG CỘNG		7.360.040		31.996.288

(i) Vào ngày 2 tháng 5 năm 2016, Công ty đã thanh lý toàn bộ cổ phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai cho Bà Nguyễn Thị Nga theo Hợp đồng số 02/2016/HĐCNCP với tổng trị giá 24.636.250 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thu được toàn bộ số tiền bán cổ phiếu này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền thuê đất trả trước	9.830.498	9.966.210
Công cụ, dụng cụ	1.979.041	2.876.703
Khác	252.461	845.518
TỔNG CỘNG	12.062.000	13.688.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	72.394.665	66.738.758
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và vườn cây	61.057.200	76.807.994
Phải trả người bán khác	1.567.506	2.937.466
TỔNG CỘNG	135.019.371	146.484.218
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	93.121.249	108.017.844
<i>Phải trả các bên khác</i>	41.898.122	38.466.374

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Khách hàng thương mại trả tiền trước	604.745.933	946.918.808
Khách hàng dịch vụ xây dựng trả tiền trước	554.259.690	381.304.507
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	10.529.039	26.237.004
TỔNG CỘNG	1.169.534.662	1.354.460.319
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	1.146.591.166	1.318.196.745
<i>Các bên khác</i>	22.943.496	36.263.574

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế giá trị gia tăng	19.285.372	4.636.891	(22.894.165)	1.028.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	65.185.053	17.128.804	(14.361.981)	67.951.876
Thuế thu nhập cá nhân	173.320	1.841.889	(1.264.625)	750.584
Thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	30.874.656	3.161.623	(33.178.468)	857.811
TỔNG CỘNG	115.518.401	26.769.207	(71.699.239)	70.588.369

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	627.836.053	300.833.079
Chi phí hoạt động	2.006.873	2.896.991
TỔNG CỘNG	629.842.926	303.730.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả về thu hộ	287.044.960	72.786.442
Phải trả lãi vay	635.570	635.570
Phải trả tiền mượn không lãi từ các công ty khác	406.060.035	202.899.740
Phải trả cổ tức	101.579	101.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.608.933	3.669.402
TỔNG CỘNG	699.451.077	280.092.733
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	606.895.614	195.906.802
<i>Phải trả các bên khác</i>	92.555.463	84.185.931

21. VAY

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	1.052.926.625	500.830.180	(732.969.743)	820.787.062
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 21.2)	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	32.343.750	-	(32.343.750)	-
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	2.503.860.293	1.931.408.849	-	4.435.269.142
	4.689.130.668	2.432.239.029	(765.313.493)	6.356.056.204
Vay dài hạn				
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 21.3)	8.494.994.375	16.112.787	(1.931.408.849)	6.579.698.313
TỔNG CỘNG	13.184.125.043	2.448.351.816	(2.696.722.342)	12.935.754.517

Hiện nay, Ban Giám đốc đang tiếp tục thương lượng với các chủ nợ chính nhằm tìm giải pháp cho tình hình tài chính của Công ty. Nội dung của các buổi thảo luận chính bao gồm việc cơ cấu/hoán đổi gia tăng thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu lên tối thiểu 3 – 15 năm. Cơ cấu, giãn thời gian trả nợ lãi thêm 3 năm, giảm lãi suất cho vay, ứng xử đối với khoản vay mới và việc duy trì hạn mức tín dụng đã cấp cho Công ty. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình chờ nhận được văn bản phê duyệt chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tái cơ cấu các khoản vay và trái phiếu nói trên.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ	USD	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
---------------	--------------------------	-----------	-----	-------------------------------------	------------------	------------------

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Gia Lai

Khoản vay 1	598.080.606	474.725.354	5.522.001	Từ 19 tháng 8 năm 2016 đến 20 tháng 10 năm 2016	5,05 – 10,5	Công trình khu liên hợp viện bóng đá HAGL của Thể thao HAGL; công trình đại học Y Dược HAGL của Bệnh viện HAGL; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (vườn cao su 1.194,74 ha và các lợi ích hợp pháp khác từ vườn cây trên tại xã Po Tô, Gia Lai) của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (bên liên quan); và 9 căn hộ khu Thương mại Bầu Thạc Giản, Đà Nẵng (Thuyết minh số 9)
-------------	-------------	-------------	-----------	---	-------------	---

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai

Khoản vay 2	222.706.456	222.706.456	-	Từ 1 tháng 9 năm 2016 đến 3 tháng 9 năm 2016	10,00 – 11,00	Toàn bộ cổ phiếu thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh.
-------------	-------------	-------------	---	--	---------------	--

TỔNG CỘNG **820.787.062**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu chuyển đổi

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, HĐQT thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd ("NIMP"), một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VND với mệnh giá là 1 triệu VND/trái phiếu. Trái phiếu sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VND/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng nếu có. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng được niêm yết bởi bốn (4) ngân hàng trong nước (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn). Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Công ty và NIMP đã ký kết Bản điều chỉnh hợp đồng mua bán trái phiếu. Theo đó, Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2010 được điều chỉnh như sau:

- ▶ Ngày Đến hạn: Ngày đến hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 25.000 VND/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.
- ▶ Lãi suất: Lãi Suất Tiền Gửi cộng (+) 3%/năm; được thanh toán hàng năm. "Lãi Suất Tiền Gửi" có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một (1) năm của cá nhân được niêm yết bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam và Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vào ngày 19 tháng 8 năm 2010 và sẽ được điều chỉnh hàng năm.
- ▶ Chuyển đổi và Điều khoản chống pha loãng: Trái Phiếu có thể được chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần được phát hành của Công ty từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 cho đến Ngày Đến hạn. Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây: (i) phát hành cổ phiếu thưởng, (ii) chia tách cổ phần, (iii) hợp nhất các cổ phần, hoặc (iv) phân loại lại cổ phần; (v) chia cổ tức, (vi) phát hành cổ phần mới thấp hơn giá thị trường của mỗi cổ phần tại thời điểm đó và (vii) bất kỳ sự kiện gây pha loãng nào khác.
- ▶ Giá chuyển đổi sau khi điều chỉnh hiệu ứng pha loãng do phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu theo tỷ lệ 5:1; phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi cổ phiếu quốc tế và chia cổ tức trong năm 2013; phát hành cổ phần phổ thông để chia cổ tức trong năm 2014 là 19.645 VND/cổ phiếu.
- ▶ Quyền yêu cầu Công ty mua lại Trái phiếu: Tại bất kỳ thời điểm nào từ ngày 31 tháng 8 năm 2013 đến Ngày Đến hạn, Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái phiếu với giá thỏa thuận. Theo đó, các trái phiếu trên đã được trình bày trong phần nợ ngắn hạn của báo cáo tài chính tổng hợp.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 3107/15/NQĐHĐCĐ-HAGL ngày 31 tháng 7 năm 2015, một số điều khoản và điều kiện của trái phiếu chuyển đổi này đã được phê duyệt sửa đổi và nhận được sự chấp thuận của NIMP, như sau:

- ▶ Ngày Đến hạn: Ngày đến hạn gia hạn là ngày 31 tháng 8 năm 2017.
- ▶ Lãi suất: ba phần trăm (3%) một năm. Mức lãi suất này sẽ được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015.
- ▶ Giá chuyển đổi: 19.645 VND/cổ phần và phụ thuộc vào Điều khoản chống pha loãng.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ tổng nợ thuần trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã vượt quá tỷ lệ cho phép được quy định trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Ngàn VND	
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 21.3.1)	9.884.967.455	9.868.854.668
Trái phiếu hoán đổi (Thuyết minh số 21.3.2)	1.130.000.000	1.130.000.000
TỔNG CỘNG	11.014.967.455	10.998.854.668
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	4.435.269.142	2.503.860.293
Vay dài hạn	6.579.698.313	8.494.994.375

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước

Trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Ngàn VND	Ngày đáo hạn
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	1.760.280.296	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2017
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 17 tháng 8 năm 2015	850.000.000	Ngày 17 tháng 8 năm 2020
BIDV và BSC	Ngày 9 tháng 7 năm 2013	950.000.000	Ngày 9 tháng 7 năm 2016
BIDV và BSC	Ngày 28 tháng 3 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2019
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia ("PHUGIASC")	Ngày 1 tháng 4 năm 2014	650.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2019
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 28 tháng 11 năm 2017
BIDV và BSC	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
BIDV và BSC	Ngày 23 tháng 7 năm 2015	2.150.000.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT ("FPTS") và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 đến ngày 27 tháng 2 năm 2017
Chi phí phát hành trái phiếu		(75.312.841)	
TỔNG CỘNG		9.884.967.455	
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		3.305.269.142	
Vay dài hạn		6.579.698.313	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %	Mục đích	Tài sản đảm bảo
ACBS	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	520.000.000	18,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười ba (13) tháng bằng Đồng Việt Nam cộng với biên độ 6,5%/năm (2016: 10,50 - 14,00%/năm)	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Tập đoàn bao gồm dự án trồng mới và chăm sóc 10.000 ha cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án nhà máy mía đường, nhiệt điện, ethanol và phân vi sinh (Tỉnh Attapeu, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào ("Lào")); dự án thủy điện Nậm Kông 2 (Tỉnh Attapeu, Lào) và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	100.281.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch HĐQT; 66.479.140 cổ phiếu HNG do Công ty nắm giữ; 196.368.900 cổ phần của HAN; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương mại Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai HAGL Myanmar ("HAGL Myanmar"), (Thành phố Yangon, Myanmar)

Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho trái phiếu tổng mệnh giá 520 tỷ VND được sở hữu bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á không bằng tối thiểu 130% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng cầm cố tài sản. Đồng thời, vào cùng ngày, tổng giá trị tài sản đảm bảo cho hai gói trái phiếu tổng mệnh giá 200 tỷ VND và 240 tỷ VND của Ngân hàng HD – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt lần lượt không bằng tối thiểu 120% và 100% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong các hợp đồng cầm cố tài sản.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất %	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	850.000.000	10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm (2016: 9,025 - 10%/năm)	Hoán đổi cho các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VND đáo hạn vào ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Công ty	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp - Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM") (Tỉnh Attapeu, Lào); quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên.
BIDV và BSC	BIDV	950.000.000	14% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, VCB, BIDV và Vietinbank cộng với biên độ 5%/năm (2016: 9 -11%/năm)	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HAA"); một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Mía Đường Attapeu") (Tỉnh Attapeu, Lào).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo	
BIDV và BSC	BIDV Công ty Cổ phần Hoàn Mai	950.000.000 50.000.000	Ngân VND	12% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại bao gồm: Agribank - HCM, Vietinbank - HCM, BIDV - Sở Giao Dịch 2 và VCB - HCM và cộng (+) với biên độ 4%/năm (2016: 9,125 - 10,125%/năm)	Hoạt động sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc 3.637 ha cây cao su (Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam); dự án trồng và chăm sóc 9.000 ha cây cao su tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia; dự án trồng và chăm sóc 8.216 ha cây cao su (Tỉnh Rattanakiri, Campuchia); dự án trồng và chăm sóc 4.900 ha cây cao su (Tỉnh Attapeu và SeKong, Lào)	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (Tỉnh Attapeu, Lào)
PHU GIA SC (*)	Ngân hàng HD - Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	650.000.000	13,5% cho năm tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi mỗi sáu (6) tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại HDBank và cộng (+) với biên độ 6%/năm (2016: 10,5 - 12%/năm)	Tái cấu trúc tài chính và bổ sung vốn lưu động kinh doanh	67.275.000 cổ phiếu HNG và 196.368.900 cổ phần HAN thuộc quyền sở hữu của Công ty	

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, tổng mệnh giá trái phiếu nhiều hơn tới đa 70% tổng giá trị tài sản đảm bảo cho trái phiếu theo điều khoản ràng buộc theo hợp đồng cầm cố tài sản đã ký.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
VPBS (**)	VPB	1.000.000.000	10,35%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, và các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất sẽ bằng lãi suất tiền gửi Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn mười hai (12) tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng với biên độ áp dụng cho ba (3) kỳ tính lãi thuộc năm đầu tiên là 3,5%/năm và các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,25%/năm (2016: 9,45 - 10,05%/năm)	Hợp tác kinh doanh thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (600 tỷ VND), công ty liên quan, và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (400 tỷ VND)	110.628.505 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 4.700.000 cổ phiếu Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT; 19.940.000 cổ phiếu HNG tại Công ty Cổ phần Daun Penh ("Daun Penh") và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Penh
BIDV và BSC	BIDV	1.000.000.000	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được cộng bỏ tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó(2016: 9 – 10%/năm)	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, thực hiện Dự án chăn nuôi bò thịt và bò sữa tại Tỉnh Gia Lai (470 tỷ VND); bổ sung vốn cho các công ty thành viên để chi trả cho các chi phí thực hiện dự án trồng, chăm sóc cây cao su, cò dầu, xây dựng nhà máy chế biến cò dầu và nhà máy nhiệt điện (480 tỷ VND) và tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty (50 tỷ VND)	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (Tỉnh Attapeu, Lào)

(**) Giá trị tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu trên sẽ phụ thuộc vào giá trị thị trường sau kỳ kế toán giữa niên độ. Theo đó, tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 145% tổng mệnh giá trái phiếu theo quy định trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
BIDV và BSC	BIDV	2.150.000.000 Ngàn VND	10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 4%/năm (2016: 9,025 - 10,025%/năm)	Cơ cấu lại các khoản nợ của Công ty, tăng quy mô vốn hoạt động và hợp tác kinh doanh thực hiện các dự án	Một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Sekong thuộc quyền sở hữu HAQM; một phần quyền thuê đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với diện tích 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu thuộc quyền sở hữu HAA; một phần quyền thuê và tài sản gắn liền với quy mô 51 ha tại Huyện Phou Vong, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 2.723,9 ha tại Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu; quyền thuê và tài sản gắn liền trên đất với quy mô 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas và 44.926.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.1 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền Ngàn VND	Lãi suất	Mục đích	Tài sản đảm bảo
FPTS và VPB	VPB	600.000.000	10,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất tiền gửi bằng Đồng Việt Nam đối với tổ chức kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của VPB – Sở Giao Dịch được xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất ("Lãi Suất Tham Chiếu") cộng với biên độ là 4,5%/năm (2016: 10,7 - 11,3%/năm)	Dự án chăn nuôi bò thịt tại xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai cho Công ty Bò sữa Tây Nguyên, là công ty con, dưới hình thức hợp tác đầu tư	196.368.900 cổ phần HAN và các khoản tiền, tài sản còn lại thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty sau khi được Eximbank – Sacombank xóa thế chấp hoàn trả thành toán lại theo hợp đồng bảo lãnh 178 và hợp đồng vay số 2000-LAV-201302293 ngày 18 tháng 4 năm 2013; tài sản hình thành từ công trình xây dựng Khu Thương Mại Myanmar của Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar (Thành phố Yangon, Myanmar); vốn góp 51 triệu USD của HAN vào Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar; 225.970.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai; 234.484.450 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 19.940.000 cổ phần của HNG tại Công ty Daun Penh và dự án Daun Penh với quy mô 73.760.785 m ² tại Tỉnh Rattarakiri thuộc quyền sở hữu của Công ty Daun Penh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

21.3.2 Trái phiếu hoán đổi

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2011, Công ty đã phát hành trái phiếu hoán đổi trị giá 1.130.000.000 ngàn VND cho NIMP với các nội dung chi tiết như sau:

- ▶ Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 VND.
- ▶ Số lượng trái phiếu phát hành: 1.130.000.
- ▶ Kỳ hạn trái phiếu: 4 năm kể từ Ngày Hoàn Tất (tức ngày 30 tháng 6 năm 2015) với quyền gia hạn thêm 2 năm theo sự thỏa thuận của chủ sở hữu trái phiếu.

Trong năm, Công ty đã tiến hành đàm phán với NIMP và đã được chấp thuận việc gia hạn kỳ hạn của trái phiếu đến ngày 14 tháng 7 năm 2017 (Ngày Đến hạn gia hạn).

- ▶ Lãi trái phiếu: thanh toán hàng năm với mức lãi suất được tính như sau:

Lãi suất = 5% x (1+ Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái).

"Thay Đổi Tỷ Giá Hối Đoái" có nghĩa là thay đổi tỷ giá hối đoái chính thức giữa USD và VND do HSBC niêm yết kể từ ngày phát hành Trái Phiếu đến trước ngày 2 ngày làm việc so với ngày thanh toán lãi.

Nếu việc tính toán lãi suất trên đây không được pháp luật có liên quan cho phép, lãi suất sẽ được tính như sau:

Lãi Suất = 5% x (1+y)ⁿ

Trong đó: "y" có nghĩa là (i) tỷ lệ được nhà đầu tư và Công ty thỏa thuận và đồng ý tối thiểu 5 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của thời hạn thanh toán lãi, hoặc (ii) trong trường hợp nhà đầu tư và Công ty không thể đạt được thỏa thuận về tỷ lệ đó, 10%; "n" có nghĩa là số đợt thời hạn thanh toán lãi đã trôi qua kể từ Ngày Hoàn Tất đến và bao gồm thời hạn thanh toán lãi đó.

- ▶ Hoán đổi: Chủ sở hữu Trái Phiếu có quyền hoán đổi Trái Phiếu toàn bộ hoặc một phần thành các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (tiền thân là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai) do Công ty nắm giữ tại bất kỳ thời điểm nào kể từ (i) ngày niêm yết các cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai hoặc (ii) ngày tròn ba năm kể từ Ngày Hoàn Tất tùy thuộc ngày nào muộn hơn, và kết thúc vào (i) ngày đến hạn hoặc (ii) trong trường hợp Trái Phiếu được gia hạn, ngày trước ngày tròn sáu năm kể từ Ngày Hoàn Tất.
- ▶ Mục đích: Tài trợ cho các dự án đầu tư và bổ sung vốn lưu động của Công ty Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ nợ ngắn hạn trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao tài sản cố định ("EBITDA") đã vượt mức cho phép theo quy định của hợp đồng mua bán trái phiếu. Do đó, các trái phiếu này đã được phân loại và trình bày lại tại mục vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả cho mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND
<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	430.466.998	430.466.998
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.711.099)	(17.711.099)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	21.523.350	(21.523.350)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	271.279.633	418.790.813	12.128.142.060
<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.709.186	5.709.186
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	566.895.916	12.284.862.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	Ngàn VND	
Doanh thu gộp	362.394.109	1.284.428.290
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	146.247.246	454.673.345
<i>Doanh thu từ dịch vụ xây dựng</i>	78.798.185	528.252.681
<i>Doanh thu từ thanh lý bất động sản đầu tư</i>	64.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	54.249.959	58.701.819
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	18.621.119	27.858.627
Các khoản giảm trừ	-	(35.528)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(35.528)
Doanh thu thuần	362.394.109	1.284.392.762
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	146.247.246	454.637.817
<i>Doanh thu từ dịch vụ xây dựng</i>	78.798.185	528.252.681
<i>Doanh thu từ thanh lý bất động sản đầu tư</i>	64.477.600	214.941.818
<i>Doanh thu bán căn hộ</i>	54.249.959	58.701.819
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	18.621.119	27.858.627
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	202.570.140	485.047.984
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	159.823.969	799.344.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi cho vay	739.086.264	530.863.024
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	6.827.001
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.317.115	7.331.415
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	820.758	12.540.268
Cổ tức nhận được	-	600.000
TỔNG CỘNG	<u>743.224.137</u>	<u>558.161.708</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	705.362.272	370.598.446
<i>Các bên khác</i>	37.861.865	187.563.262

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	113.483.878	387.338.170
Giá vốn từ dịch vụ xây dựng	51.975.427	276.074.299
Giá vốn bất động sản đầu tư	64.867.426	81.183.514
Giá vốn căn hộ đã bán	42.368.220	45.937.971
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11.536.742	21.579.454
TỔNG CỘNG	<u>284.231.693</u>	<u>812.113.408</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí lãi vay	633.412.541	557.827.675
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con	86.819.774	-
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	32.304.814	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.438.510	2.023.483
Các khoản khác	-	6.492
TỔNG CỘNG	<u>770.975.639</u>	<u>559.857.650</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.201.095	13.187.055
Chi phí lương nhân viên	1.013.271	1.295.016
Chi phí bán hàng khác	2.507.977	9.797.910
	6.722.343	24.279.981
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	23.648.074	30.047.431
Chi phí khấu hao	4.317.958	4.216.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.885.438	11.255.981
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	2.930.603	(34.206)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.239.184	8.739.549
	45.021.257	54.225.279
TỔNG CỘNG	51.743.600	78.505.260

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	18.921.657	157.555.099
Lãi từ thanh lý tài sản	17.804.012	155.363.096
Các khoản khác	1.117.645	2.192.003
Chi phí khác	(1.214.090)	(1.590.057)
Các khoản khác	(1.214.090)	(1.590.057)
LỢI NHUẬN KHÁC	17.707.567	155.965.042

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ bao gồm:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thuế TNDN hiện hành	11.432.253	119.216.198
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong kỳ trước	5.696.551	(1.640.002)
TỔNG CỘNG	17.128.804	117.576.196

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.374.881	548.043.194
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản phạt	760.684	384.682
Các chi phí không được khấu trừ	4.443.866	4.978.724
Thu nhập cổ tức	-	(600.000)
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.136.425	(10.914.792)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	25.715.856	541.891.808
Thuế TNDN hiện hành ước tính	11.432.253	119.216.198
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong kỳ trước	5.696.551	(1.640.002)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	17.128.804	117.576.196
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	65.185.053	17.447.084
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(14.361.981)	(57.874.212)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 18)	67.951.876	77.149.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong kỳ báo cáo như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>		<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	
<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thuế TNDN hoãn lại			
Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	827.285	(5.635.824)	6.463.109
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			6.463.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	11.003.502	7.268.044
		Bán hàng và cung cấp hợp đồng xây dựng	6.689.402	1.496.058
		Cho vay	184.618.698	-
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	4.002.912	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng, cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ khác	10.942.574	4.612.066
		Cho vay	6.450.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	78.782.940	39.785.059
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyễn	Bên liên quan	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	13.483.845	2.228.026
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.319.196	-
		Lãi cho vay	22.870.069	22.744.410
		Cho mượn tạm	35.573.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con gián tiếp	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.008.993	37.580.169
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng, cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ khác	21.823.094	132.979.123
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Bán hàng, cung cấp dịch vụ xây dựng và dịch vụ khác	-	65.225.334
		Mua hàng hóa và dịch vụ	3.157.429	7.836.621
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	7.797.496	36.601.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	14.913.889	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.373.346	-
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con gián tiếp	Bán hàng	19.598.211	-
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con gián tiếp	Cho mượn tạm	3.420.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng	44.276.807	-
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	30.969.195	-
		Lãi cho vay	66.892.304	-
		Cho mượn tạm	80.780.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn tạm	148.640.980	-
		Cho vay dài hạn	60.294.000	-
		Thu hồi tiền cho vay	137.469.340	-
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	14.332.500	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	42.304.080	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	11.100.027	9.225.229
		Mua dịch vụ	-	6.500.000
		Cho vay dài hạn	6.043.508	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	9.384.770	27.950.409
		Mua hàng hóa	-	17.226.233
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	40.915.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp	Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây dựng	16.911.353	163.655.893
		Lãi cho vay	33.247.672	-
		Cho vay dài hạn	38.576.978	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	214.936.055	175.378.591
		Cho mượn tạm	20.000	44.740.000
		Cho vay	-	44.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	100.020.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Cho vay	-	16.833.791
		Lãi cho vay	3.935.098	392.633
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	117.609.156	53.047.739
		Vay dài hạn	742.391.941	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	51.635.165	17.440.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	13.192.319	2.815.556
		Cho mượn tạm	110.631.949	-
		Thu hồi tiền cho vay và mượn tạm	51.332.995	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.047.671	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.559.825	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ xây dựng	37.429.233	31.234.877
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.264.563	18.026
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	26.935.627	24.796.770
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	18.302.194	27.857.769
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.995.704	709.706
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	6.182.721	22.859.000
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	1.449.075	721.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.869.574	5.854.647
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	4.337.467	-
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	3.875.118	1.010
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần HNG	-	162.074.164
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.405	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.994	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	603.787	-
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	285.356	1.902.622
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	2.691.319
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	92.959	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	698.668	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	750	-
Công Ty TNHH MTV Khoáng Sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	212.554	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	59.524.480 1.047.243	24.059.702 379.629
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Thanh lý các khoản đầu tư Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.828.645 21.516	- 27.335
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng	17.602.302 658.295	- 957
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa	9.831.279	6.532.534
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.271.083 48.460	27.106.725 -
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	355.236	2.017.205
TỔNG CỘNG			217.754.288	340.844.997
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Ứng trước mua hàng hóa	-	99.063.338
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước mua hàng hóa	4.000.000	4.000.000
TỔNG CỘNG			4.000.000	103.063.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Ngân VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	2.760.085.936	2.860.085.936
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	200.000.000	681.254.662
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	189.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	150.000.000	192.815.574
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	120.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	54.140.387	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	2.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	-	67.860.980
TỔNG CỘNG (*)		4.325.226.323	4.652.017.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	2.253.252.956	1.030.376.353
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	1.300.742.263	1.383.700.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	860.088.500	872.438.488
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	689.839.538	809.401.438
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	697.320.000	697.320.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	641.100.000	641.100.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp	638.576.978	600.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con gián tiếp	295.000.000	295.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con gián tiếp	263.030.698	84.414.912
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	211.861.305	205.817.797
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	141.482.579	40.000.000
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con gián tiếp	53.092.286	49.672.286
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	141.231.796	116.568.196
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	24.243.128	24.682.417
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	32.000.000	221.000.000
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	8.799.939	10.527.317
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con gián tiếp	10.395.733	10.478.216
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	18.796.482	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Ngàn VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con gián tiếp	7.395.153	7.454.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	14.651.980	14.651.980
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty con gián tiếp	507.206	507.206
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	-	54.140.387
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	-	15.562.764
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	-	1.587.741
TỔNG CỘNG (*)		8.303.408.520	7.186.402.423

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	225.987.794	551.031.737
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay Chi trả hộ	169.986.204 515.375.725	118.351.040 1.658.574
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	36.852.258	14.548.178
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	120.396.737	119.689.030
Công ty TNHH Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	4.618.087	4.947.702
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	12.624.059	12.624.059
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	30.826.854 2.993.869	19.726.827 2.393.037
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	10.632.059	6.718.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	13.510.548 -	5.677.778 459.949
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	-	219.889.219
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay Chi trả hộ	176.864.938 292.289	98.081.998 -
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	2.268.339	-
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	2.674.301	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.670.491	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Chi trả hộ	172.363.215 1.457.388	54.759.771 1.457.388
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	32.076.871	61.296.637
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay Khác Chi trả hộ	51.691.732 42.400 11.190.000	22.144.060 29.400 -
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	19.001.389	4.087.500
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	22.839.790 -	33.198.400 84.138
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	6.427.866	2.492.768
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay Chi trả hộ	127.561.875 2.440.389	113.229.375 2.440.389
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Lãi cho vay	21.430.764	11.560.694
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.559.826	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	4.103.303	-
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	1.600.000	1.600.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám Đốc	Tạm ứng	520.123	-
Các công ty khác	Bên liên quan	Khác	637.730	1.854.358
TỔNG CỘNG			1.810.519.213	1.486.032.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con gián tiếp	Phải thu về BCC	415.751.100	307.266.100
TỔNG CỘNG			415.751.100	307.266.100
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.359.759	9.169.704
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	9.108.189
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	9.027.371	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	-	808.520
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua vườn cây Mua hàng hóa và dịch vụ	- 9.781.929	16.175.109 9.220.312
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.651.600	661.817
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	436.766	772.802
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Mua vườn cây Mua hàng hóa và tài sản	60.549.000 518.841	60.549.000 -
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.734.812	1.540.887
Các công ty khác	Bên liên quan	Các khoản khác	61.171	11.504
TỔNG CỘNG			93.121.249	108.017.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	306.020.992	308.227.665
		Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	42.057.022
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	121.959.384	144.818.384
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988	140.157.988
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	51.003.114	81.461.947
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	5.253.289	-
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	136.474.844	160.974.005
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	35.619.991	35.619.991
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	15.289.560
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	2.448.425	35.952.110
		Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	3.653.643	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	49.862	1.026.391
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	-	2.647.413
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Nhận ứng trước hợp đồng xây dựng	245.789.873	251.804.508
TỔNG CỘNG			1.146.591.166	1.318.196.745

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi trả hộ	11.786.059	11.786.059
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Mượn tạm	19.898.360	123.120.360
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	2.065.085	2.065.085
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	212.704.506	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	13.342.400	13.320.600
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi trả hộ	22.769.750	22.769.750
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tạm Chi trả hộ	299.952.295 6.051.722	6.051.722 -
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	3.808.366	3.808.366
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	3.183.439	3.183.439
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	2.402.766	2.402.766
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	1.825.937	1.825.937
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con gián tiếp	Chi trả hộ	489.770	489.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20) (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	1.339.264	1.011.164
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi trả hộ	3.323.700	3.323.700
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Bên liên quan	Chi trả hộ	221.788	221.788
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thư kí HĐQT	Chi trả hộ	1.204.111	-
Các công ty khác	Các bên liên quan	Chi trả hộ	253.596	253.596
TỔNG CỘNG			606.895.614	195.906.802

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn trị giá lần lượt là 1.565.140.387 ngàn VND và 8.303.408.520 ngàn VND chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo yêu cầu của Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016, dự kiến được tổ chức trong tháng 9 năm 2016, phê duyệt các nghiệp vụ này.

Lương, thưởng và thu nhập sau thuế cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Ban thư ký trong kỳ như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Lương	3.298.052	3.388.750
Ban kiểm soát Lương	573.827	463.926
Ban thư ký Lương	-	-
TỔNG CỘNG	3.871.879	3.852.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên thuê

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây khác. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	1.301.822	1.301.822
Từ 1 đến 5 năm	5.207.288	5.207.288
Trên 5 năm	40.196.411	40.845.539
TỔNG CỘNG	<u>46.705.521</u>	<u>47.354.649</u>

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dưới 1 năm	2.958.927	3.156.745
Từ 1 đến 5 năm	2.680.123	4.122.495
TỔNG CỘNG	<u>5.639.050</u>	<u>7.279.240</u>

Cam kết góp vốn đầu tư

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có khoản cam kết với tổng số tiền là 1.060.265.135 ngàn VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần An Đông Mía.

31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

